TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 363/2025/DS-PT
Ngày: 18 – 6 - 2025
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Ông Trương Vĩnh Hữu;

Ông Võ Ngọc Giàu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thúy Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 04 năm 2025 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 306/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 844/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Hoài T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: số H đường B, Phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: tầng F, số B đường Đ, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T: Luật sư Đỗ Mạnh H, Công ty L1 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: tầng F, số B đường Đ, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1992;

Địa chỉ: số nhà E, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Trần Trung C, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Đặng Thị H1, sinh năm 1991;

Địa chỉ: số nhà A, đường G, khu phố C, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị Bích L.

(Tại phiên tòa, có mặt: Luật sư Đỗ Mạnh H, Trần Trung C, Đặng Thị H1; vắng mặt: Trần Hoài T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Trần Hoài T trình bày:*

Năm 2017, ông T và bà Nguyễn Thị Bích L gặp gỡ và quen biết nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau thời gian tìm hiểu và bà L nhiều lần đưa ông T về nhà tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang gặp gỡ cha mẹ và anh chị của bà L. Vì tin tưởng nên trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2021 đến năm 2023 khi bà L cần tiền và hỏi vay thì ông T có chuyển cho bà L số tiền 2.650.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Khoảng tháng 6/2021, ông T về nhà bà L ở huyện G chơi, bà L có nói với ông T cho bà L mượn 200.000.000 đồng để mua đất ở huyện G nên ông T có đưa cho bà L 200.000.000 đồng bằng tiền mặt**,** không có biên nhận do tin tưởng.

+ Ngày 12/6/2022, bà L nói với ông T cho bà L vay ít tiền để làm ăn, ông T có hỏi làm gì bà L nói mua đất ở huyện G phân nhỏ ra để bán kiếm lời, ông T hỏi bao nhiêu thì bà L nói người ta bán miếng đất 1.300.000.000 đồng nên ông T có chuyển khoản cho bà L 1.300.000.000 đồng (có giấy tờ chứng minh việc chuyển khoản)

+ Ngày 27/6/2022, bà L điện thoại nói ông T vay tiếp 200.000.000 đồng để mua đất tiếp nên ông T chuyển khoản cho bà L số tiền 200.000.000 đồng (có giấy tờ chứng minh việc chuyển khoản).

+ Ngày 23/7/2022, bà L lại điện thoại nói ông T cho vay tiếp 850.000.000 đồng để mua đất tiếp nên ông T chuyển khoản cho bà L số tiền 850.000.000 đồng (có sao kê của Ngân hàng). Sau đó bà L còn hỏi mượn tiền ông T để mua đất nhưng ông T không còn tiền để cho bà L vay nữa.

Đầu năm 2023, bà L nói với ông T có mối bán nhẫn kim cương nên kêu ông T gửi tiền làm cặp nhẫn giá gần 100.000.000 đồng, vì tin tưởng nên ông T chuyển khoản cho bà L số tiền trên để làm nhẫn, ông T không nhớ đưa tiền mặt hay chuyển khoản, ông sẽ cung cấp sau.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị Bích L đã vay của ông T 2.650.000.000 đồng gồm có 200.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản (có giấy tờ chứng minh việc chuyển khoản).

Ông T đã nhiều lần liên hệ với bà Nguyễn Thị Bích L để lấy lại số tiền 2.650.000.000 đồng nhưng bà L không có thiện chí hợp tác, cố tình tránh mặt không trả cho ông T số tiền trên.

Tại phiên hòa giải ngày 16/7/2024, ông Trần Hoài T yêu cầu rút lại các yêu cầu như sau: Rút yêu cầu bà L trả khoản tiền mượn 200.000.000 đồng mượn vào tháng 06/2021 và 100.000.000 đồng vào đầu năm 2023 vì ông T không có biên nhận hay thông tin chuyển khoản và bà L cũng không đến phiên hòa giải để đối chất.

Nay ông Trần Hoài T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích L trả lại cho ông Trần Hoài T số tiền 2.350.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích L trả tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản theo quy định của pháp luật (10%/năm = 0,83%/tháng = 0,027%/ngày) kể từ ngày 25/7/2023 đến ngày 17/7/2024 là 358 ngày = 358 ngày × 0,027%/ngày × 2.350.000.000 đồng = 227.151.000 đồng. Tổng cộng bà Nguyễn Thị Bích L phải trả cho ông Trần Hoài T số tiền tổng cộng là 2.577.151.000 đồng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hoài T.*

** Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Trần Hoài T là ông Trần Văn T1 trình bày*:

Nguyên đơn ông Trần Hoài T có quen biết với bà Nguyễn Thị Bích L từ năm 2018 nên có cho bà L mượn nhiều lần tiền tổng cộng là 2.650.000.000 đồng, mục đích bà L mượn tiền để kinh doanh nhà đất, không có lãi suất. Nay ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà L trả cho ông T 2.350.000.000 đồng vì số tiền 300.000.000 đồng không có giấy tờ gì chứng minh. Các lần ông T chuyển tiền cho bà L có sao kê của Ngân hàng, nội dung chuyển tiền cho bà L không có ghi nội dung là cho bà L mà là gửi bà L và tại Biên bản xác minh của Tòa án xác minh số tài khoản 4819928 là tài khoản của bà Nguyễn Thị Bích L mở ngày 09/4/2018. Bà L cho rằng ông T tặng cho số tiền trên là tiền chu cấp hằng tháng và chỉnh sửa sắc đẹp nhưng bà L không cung cấp chứng cứ gì chứng minh. Ngoài ra bà L thừa nhận có mượn tiền ông T trong tin nhắn gửi cho ông T. Ông T đã nhiều lần kiếm bà L nhưng bà L né tránh không trả tiền cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nên phải chịu thêm khoản lãi chậm trả theo quy định pháp luật nên ông T có quyền đòi lại tài sản và tiền lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Hoài T buộc bà L trả số tiền vay và lãi tổng cộng là 2.577.151.000 đồng và tiếp tục duy trì Quyết định áp

dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2024/QĐ-BPKCTT ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Hoài T là bà Lê Ngô Bảo T2 trình bày*:

Số tiền 2.350.000.000 đồng mà đại diện ủy quyền của bà L trình bày là số tiền để chỉnh sửa sắc đẹp thì bà L chỉnh sửa bao nhiêu lần, có hóa đơn chứng từ gì không. Mục đích ông T chuyển tiền cho bà L do bà L cần tiền để kinh doanh nhà đất, ông T thừa nhận các số tiền chuyển khoản khác là tiền chu cấp hàng tháng cho bà L, còn số tiền 2.350.000.000 đồng là do bà L mượn của ông T.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L là ông Trần Trung C trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Bích L không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoài T vì bà L và ông T quen biết từ năm 2017 đến năm 2021 thì ông T và bà L sống như vợ chồng và chia tay đầu năm 2023. Số tiền 2.350.000.000 đồng là số tiền ông T tự nguyện cho bà L. Ông T cho rằng bà L vay tiền nhưng không đưa chứng cứ là bà L có vay số tiền 2.350.000.000 đồng. Khi vay tiền thì phải có lãi suất nhưng ông T chỉ chứng minh được một phần đó là bà L có nhận tiền, việc chứng minh là do nguyên đơn chứng minh và cung cấp tài liệu. Theo bà L số tiền 2.350.000.000 đồng là tiền cung cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho bà L từ năm 2022 và việc ông T giao tiền cho bà L là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không có bất kỳ lời nói kêu ông T chuyển tiền từ phía bà L.

** Đại diện ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L là bà Đặng Thị H1 trình bày:*

Ông Trần Hoài T là người học cao, có trình độ nên phải chịu trách nhiệm trước các quan hệ pháp luật. Theo các tài liệu sao kê của Ngân hàng thì ông T có nhiều lần chuyển khoản cho bà L với nội dung "ck gửi vk", ông T chỉ đòi các số tiền lớn nhưng không đòi các số tiền nhỏ. Số tiền 2.350.000.000 đồng là số tiền ông T cho bà L, không có thỏa thuận gì theo quy định của pháp luật thì ở đây không có dấu hiệu vay tài sản mà là số tiền ông T cho bà L để chỉnh sửa sắc đẹp và các mục đích khác. Đây là số tiền ông T tặng cho bà L đã hoàn thành về mặt hình thức và nội dung, không có chứng cứ hay người làm chứng. Do ông T không chứng minh được số tiền 2.350.000.000 đồng là tiền cho vay nên bà L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 306/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 494, Điều 496, Điều 498, Điều 499 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hoài T.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích L trả cho ông Trần Hoài T số tiền 2.350.000.000 đồng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Bích L chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu số tiền lãi là 227.151.000 đồng mà ông Trần Hoài T buộc bà Nguyễn Thị Bích L phải trả.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoài T đối với số tiền 300.000.000 đồng.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2024/QĐ-BPKCTT ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

* Ngày 07 tháng 10 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hoài T; Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Tạm hoãn xuất cảnh" đối với bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Thống nhất nhận định của bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời giải quyết theo trình tự, thủ tục riêng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bích L nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Theo hồ sơ vụ án, ông Trần Hoài T và bà Nguyễn Thị Bích L có mối quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng. Năm 2022, ông Trần Hoài T có chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Bích L số tiền 2.350.000.000 đồng theo tài khoản số 4819928 tại Ngân hàng TMCP A như sau: Ngày 12/6/2022 chuyển 1.300.000.000 đồng, ngày 27/6/2022 chuyển 200.000.000 đồng, ngày 23/7/2022 chuyển 850.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Bích L đã rút toàn bộ số tiền ra khỏi tài khoản 4819928.

Theo ông Trần Hoài T khai nhận số tiền mà ông chuyển cho bà Nguyễn Thị Bích L là số tiền mà ông cho bà L mượn để đầu tư mua bán đất, ngoài khoản tiền này, ông còn chu cấp cho bà Nguyễn Thị Bích L sinh sống hàng tháng từ 10.000.000 đồng – 12.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Bích L thì cho rằng số tiền chu cấp hàng tháng của ông Trần Hoài T để bà trang trải cuộc sống nên ông Trần Hoài T có chu cấp thêm 2.350.000.000 đồng cho bà trong khoảng thời gian chung sống với nhau.

Theo tin nhắn Zalo của bà Nguyễn Thị Bích L gửi ông Trần Hoài T lúc 18 giờ 42 phút ngày 18/8/2023 có nội dung: *"Bây giờ a rút đơn kiện lại, mỗi tháng tui ck cho a từ 50–100 tr. A để tui đi lm đưa a. Chứ đất tui bây giờ cug bán hết 1 muêngs, còn 1 miếng tui cug cầm hơn 50% giá trị đất rồi…A để tui đi lm tui đưa a dần,…"*. Như vậy, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Bích L có giao dịch vay tiền của ông Trần Hoài T nhưng không chứng minh được việc trả. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoài T là có căn cứ pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Bích L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào phản bác nội dung án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về kháng cáo yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời: Theo khoản 2 Điều 19 của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì nội dung này không thuộc trường hợp được kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét. Việc

hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời thực hiện theo Chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 306/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang về nghĩa vụ dân sự.

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hoài T.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích L trả cho ông Trần Hoài T số tiền 2.350.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Trần Hoài T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Bích L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0013686 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang thành án phí.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Huy